

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 151/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Võ Công C**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A, khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số E, khu F, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** - Ông **Trần Văn Bé S**, sinh năm 1956.

- Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1956.

- Chị **Trần Thị Bé H**, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số X, ấp Y, xã P, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Thị Kim Đ**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Trần Thị Kim Đ**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nguyên đơn với bị đơn thống nhất: Hủy hợp đồng công chứng nguyên đơn với bị đơn đã lập tại phòng công chứng Mỹ Thuận ngày 15/11/2012 có nội dung ông Trần Văn Bé S, bà Võ Thị N và chị Trần Thị Bé H chuyển nhượng cho ông Võ Công C thửa đất số 232, diện tích 465m² và thửa đất số 272, diện tích 3.478m², tờ bản đồ MD9TC6, tọa lạc ấp Y, xã P, huyện D, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 3016 QSDĐ/566003, ngày 29/7/2002 cấp cho hộ, do ông Sáu đại diện hộ

đúng tên trong giấy đất. Trên đất có một căn nhà kiên cố, với giá 300.000.000 đồng.

2.2 Ông Trần Văn Bé S, bà Võ Thị N, chị Trần Thị Bé H và chị Trần Thị Kim Đ liên đới trả lại cho ông Võ Công C 300.000.000 đồng vốn và 60.000.000 đồng lãi phát sinh. Cộng chung là 360.000.000 đồng.

Thời gian trả: Ngày lập biên bản hòa giải thành 23/7/2018 trả 100.000.000 đồng (Hai bên trả lập giấy giao nhận tiền riêng). Còn lại 260.000.000 đồng trả như sau:

- Ngày 23/01/2019 trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 23/7/2019 trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 23/01/2020 trả 60.000.000 đồng.

Nếu ông Bé S, bà N, chị Bé H và chị Đ vi phạm thời gian thực nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận này thì ông C được quyền đòi lại toàn bộ phần tiền vi phạm còn lại.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S, bà N, chị Bé H và chị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3 Về án phí:

Ông S, bà N, chị Bé H và chị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng.

Hoàn lại ông C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 08629 ngày 07/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM THANH DŨNG